

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 125/2018/HSPT
Ngày: 26/10/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÂM VƯƠNG MỸ LINH**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **NGUYỄN TUẤN LONG**
2/ Bà **TRẦN THỊ THANH TUYẾT**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **PHẠM LÊ TRÚC QUỲNH** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **VÕ KHÔI TUÂN** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 140/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Trọng Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 154/2018/HSST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN TRỌNG Đ - Sinh năm 1990 tại P

Nơi cư trú: Thôn P1, xã P2, huyện P3, tỉnh P

Nghề nghiệp: thợ sơn nước; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn Đ1 – sinh năm 1960 và bà: Hoàng Thị Đ2 (đã chết).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng Đ và Nguyễn Trọng T là những người cùng quê ở tỉnh P, quen biết nhau từ năm 2013 do làm thợ sơn nước tại thành phố H. Tháng 5/2017, T biết Đ đang làm thầu sơn nước tại thành phố N nên liên lạc để làm và ở chung nhà trọ với Đ tại đường A, thành phố N.

Khoảng 10 giờ ngày 01/6/2017, T từ tỉnh P đến nhà trọ số 1014 đường A, thành phố N để ở trọ và làm công sơn nước cho Đ. Khi T đến nơi, Đ gặp và mượn xe mô tô Exciter biển số 78F1-320.66 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và chứng minh nhân dân mang tên của T để đi gặp chủ thầu xây dựng nhận

công trình sơn nước. Do tin tưởng nên T đưa xe và các giấy tờ trên cho Đ mượn. Sau khi làm việc xong với nhà thầu, Đ điều khiển xe về lại nhà trọ thì nảy sinh ý định đem xe của T thế chấp lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, Đ điều khiển xe đến tiệm sửa xe của anh Huỳnh Thiên P nhờ P thế chấp xe để lo cơm nước cho thợ. Tương thật, anh P giới thiệu Lê Thanh Quý B cho Đ. Tại đây, Đ nói xe là của em ruột Nguyễn Trọng T nên anh B đồng ý cầm thế xe với giá 7.000.000 đồng. Số tiền trên, Đ chơi cá độ bóng đá và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ về lại phòng trọ và nói dối với anh T là khi điều khiển xe đã đụng gây tai nạn giao thông với xe ô tô nên đã thế chấp xe của T để bồi thường và hẹn vài ngày sẽ chuộc, lấy xe trả lại cho T, anh T tưởng thật nên không nói gì.

Đến khoảng 10 giờ ngày 02/6/2017, Đ tiếp tục đến gặp B mượn thêm 5.000.000 đồng và hẹn vài ngày sau sẽ trả, B đồng ý và đưa tiền, tổng số tiền Đ mượn của B là 12.000.000 đồng.

Đến ngày 05/6/2017, do không có tiền lấy xe cho T nên Đ điện thoại cho Vũ Thành M vay tiền, thế chấp xe của T với giá 18.000.000 đồng và hẹn gặp tại tiệm sửa xe của P để xem xe (Đ nói với M là đã thế chấp xe cho B với giá 12.000.000 đồng). Khi đến điểm hẹn, M hỏi xe của ai thì Đ nói xe của em ruột, thế chấp nhằm mục đích lấy tiền lo ăn uống, trả tiền lương cho thợ và hẹn vài ngày sẽ chuộc lại. Sau khi đối chiếu tên Nguyễn Trọng Đ và Nguyễn Trọng T thì anh M đồng ý. M đưa cho B 12.000.000 đồng và đưa cho Đ 6.000.000 đồng rồi giữ giấy tờ cùng xe máy nói trên. Vài ngày sau, Đ gặp M vay thêm 4.500.000 đồng. Tổng số tiền Đ vay của M là 22.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên, Đ dùng vào việc cá độ bóng đá và tiêu xài cá nhân.

Sau nhiều lần yêu cầu Đ trả xe nhưng Đ không trả, T nghi Đ đem xe bán nên ngày 16/6/2017 T đến Công an phường Phước Long, N để trình báo sự việc. Tại Công an phường K và cơ quan điều tra Công an thành phố N, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Ngày 22/6/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận: xe máy Yamaha Exciter trị giá 43.670.040 đồng (làm tròn số: 43.670.000 đồng).

Bản án hình sự sơ thẩm số 154/2018/HSST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 140, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Nguyễn Trọng Đ 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngày 24/7/2018, bị cáo Nguyễn Trọng Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trọng Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Trọng Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo đề ngày 23/7/2018, được nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân thành phố N vào ngày 24/7/2018. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trọng Đ thừa nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N. Có cơ sở để xác định rằng, vào ngày 01/6/2017, sau khi mượn xe máy Exciter biển số 78F1-320.66 cùng giấy tờ xe của anh Nguyễn Trọng T để đi công việc, bị cáo Nguyễn Trọng Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người bị hại và mang chiếc xe máy nói trên thế chấp cho người khác để lấy tiền tiêu xài. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do là lao động chính trong gia đình, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội nhưng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, khi xem xét quyết định mức hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt có giá trị tương đối lớn, đồng thời mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới có thể áp dụng đối với bị cáo, do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN TRỌNG Đ 6 (sáu) tháng tù** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2/ **Về án phí:** Căn cứ điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 - TANDTC
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Công an TP N
- VKSND TP N
- Chi cục THADS TP N
- TAND TP N
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH